

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIÁO DỤC**



**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH: GIÁO DỤC TIỂU HỌC
MÃ SỐ: 7140202**

(Xây dựng theo chương trình đào tạo ban hành năm 2020)

Hà Nội, tháng 7 năm 2021

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH: GIÁO DỤC TIỂU HỌC
MÃ SỐ: 7140202

(Xây dựng theo chương trình đào tạo ban hành năm 2020)

1. Đơn vị đào tạo cấp bằng: Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội

2. Đơn vị đào tạo, giảng dạy: Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội

3. Thông tin chi tiết về việc kiểm định chương trình do các tổ chức nghề nghiệp hoặc cơ quan pháp luật tiến hành

Chương trình chưa được các tổ chức nghề nghiệp hoặc cơ quan pháp luật tiến hành kiểm định chất lượng.

4. Tên văn bằng

+ Tiếng Việt: Cử nhân Giáo dục Tiểu học

+ Tiếng Anh: The Degree of Bachelor in Primary Education

5. Tên chương trình

+ Tiếng Việt: Giáo dục Tiểu học

+ Tiếng Anh: Primary Teachers Education

6. Loại hình đào tạo: Chính quy

7. Thời gian đào tạo: 4 năm

8. Mục tiêu đào tạo

8.1 Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Giáo dục Tiểu học tập trung hình thành và phát triển ở người học những phẩm chất và năng lực của người giáo viên hiện đại, đáp ứng yêu cầu” đổi mới căn bản, toàn diện” của nền giáo dục Việt Nam giai đoạn hiện nay. Đồng thời hướng tới chuẩn đào tạo giáo viên tiểu học của các nền giáo dục tiên tiến trên thế giới;

Sinh viên tốt nghiệp có phẩm chất đạo đức tốt, có lập trường chính trị vững vàng, có sức khỏe tốt; có nền tảng tri thức chuyên môn vững chắc, có năng lực dạy học và giáo dục theo các yêu cầu đổi mới của ngành; có kỹ năng dạy học và tổ chức hoạt động giáo dục theo tiếp cận hiện đại; biết ứng dụng khoa học và công nghệ trong hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học và phát triển nghề nghiệp.

8.2 Mục tiêu cụ thể

8.2.1. Về kiến thức

- Có hiểu biết về các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam;

- Nắm được kiến thức đại cương cơ bản của khối ngành khoa học giáo dục, phục vụ cho hoạt động dạy học và giáo dục ở cấp tiểu học;

- Nắm vững kiến thức cơ sở chuyên ngành, phục vụ trực tiếp cho hoạt động dạy học ở tiểu học (Bao gồm: kiến thức cơ sở toán học, cơ sở văn học và tiếng Việt, cơ sở khoa học tự nhiên và khoa học xã hội, ...);

- Nắm vững kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm về giáo dục tiểu học (Bao gồm: kiến thức về tâm lí học tiểu học, giáo dục học tiểu học, phương pháp dạy học tiếng Việt ở tiểu học, phương pháp dạy học toán ở tiểu học, phương pháp dạy học khoa học ở tiểu học, ...);

- Có nền tảng kiến thức tốt về ngoại ngữ, tin học và công nghệ, phục vụ thiết thực cho hoạt động giảng dạy, nghiên cứu và phát triển nghề nghiệp.

8.2.2. Về kỹ năng

- Lập kế hoạch dạy học; thiết kế bài giảng các môn học và các hoạt động giáo dục ở tiểu học theo hướng phát triển năng lực người học;

- Tổ chức thực hiện các hoạt động dạy học và các hoạt động giáo dục phát huy được tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh; đánh giá học sinh một cách toàn diện và vì sự tiến bộ của người học;

- Xây dựng kế hoạch và thực hiện hiệu quả công tác chủ nhiệm lớp, công tác Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, Sao Nhi đồng; tổ chức tốt hoạt động trải nghiệm và các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp cho học sinh;

- Kỹ năng sử dụng tiếng Việt (nói, viết, nghe, đọc) đúng chuẩn; giao tiếp và ứng xử sư phạm đảm bảo yêu cầu nghề nghiệp và chuẩn mực xã hội;

- Xây dựng, bảo quản và sử dụng có hiệu quả hồ sơ giáo dục và giảng dạy;

- Sử dụng tốt các phương tiện dạy học, ứng dụng được công nghệ hiện đại trong dạy học và hoạt động nghề nghiệp;

- Tiến hành nghiên cứu khoa học theo hướng độc lập và hợp tác để giải quyết những vấn đề phát sinh trong lĩnh vực giáo dục tiểu học.

8.2.3. Về thái độ

- Có ý thức trách nhiệm công dân, thái độ và đạo đức nghề nghiệp nhà giáo;

- Có ý thức nghề nghiệp tốt; sẵn sàng khắc phục khó khăn để hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy và giáo dục học sinh; có ý thức phấn đấu vươn lên trong nghề nghiệp;

- Có tác phong làm việc khoa học, luôn có ý thức đổi mới, đáp ứng được yêu cầu cao của nền giáo dục hội nhập hiện đại.

9. Đối tượng tuyển sinh: Học sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.

10. Hình thức tuyển sinh

- Hình thức tuyển sinh: Theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội.

- Dự kiến qui mô tuyển sinh: 50 sinh viên/năm.

11. Chuẩn đầu ra của chương trình

11.1. Kiến thức

*** *Khối kiến thức chung***

C1. Vận dụng những kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; pháp luật Việt Nam, quốc phòng - an ninh, giáo dục thể chất trong hoạt động nghề nghiệp và cuộc sống.

C2. Sử dụng ngoại ngữ trong giảng dạy ở tiểu học; trong học tập và nghiên cứu khoa học để phát triển nghề nghiệp của bản thân.

*** *Khối kiến thức theo lĩnh vực***

C3. Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong thiết kế và tổ chức hoạt động giáo dục ở tiểu học, trong học tập, nghiên cứu khoa học.

C4. Vận dụng những kiến thức đại cương về khoa học giáo dục, tâm lý học, đo lường và đánh giá trong giáo dục, quản lý giáo dục và nghiên cứu khoa học trong công tác quản lý, dạy học và tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh ở trường tiểu học.

*** *Khối kiến thức theo khối ngành***

C5. Vận dụng các kiến thức về tâm lý học giáo dục, tâm lý học đường, sinh lý trẻ em lứa tuổi tiểu học, lý luận dạy học hiện đại, dạy học tích hợp, giáo dục hòa nhập ở tiểu học, thống kê ứng dụng trong giáo dục, tổ chức các hoạt động giáo dục của nhà trường, tổ chức các hoạt động trải nghiệm, phát triển chương trình giáo dục phổ thông vào thiết kế và tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh lứa tuổi tiểu học. Đồng thời giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình giáo dục, dạy học ở tiểu học.

C6. Hiểu rõ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực giáo dục; cách thức quản lý hành chính và quản lý ngành giáo dục và đào tạo; phát triển được năng lực thông tin. Có tinh thần tự học, tự rèn luyện và phấn đấu nâng cao phẩm chất đạo đức nhà giáo.

*** *Khối kiến thức theo nhóm ngành***

C7. Phân tích chỉ ra mối liên hệ giữa các kiến thức cơ sở về: ngôn ngữ, toán học, khoa học tự nhiên và xã hội, công nghệ, tin học, nghệ thuật, thể chất với các lĩnh vực giáo dục, học phần thuộc chương trình giáo dục tiểu học.

C8. Vận dụng một cách sáng tạo một số kiến thức cơ sở nâng cao của một trong số các lĩnh vực khoa học nền tảng quan trọng ở tiểu học, gồm: tiếng Việt, toán, khoa học tự nhiên và khoa học xã hội vào nghiên cứu và giảng dạy ở tiểu học.

*** *Khối kiến thức ngành***

C9. Vận dụng linh hoạt và hiệu quả các phương pháp dạy học, hình thức tổ chức dạy học, phương tiện dạy học, cách thức kiểm tra đánh giá học sinh trong dạy học các học phần thuộc chương trình giáo dục tiểu học, đáp ứng yêu cầu đổi mới theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh, phù hợp với điều kiện thực tế.

C10. Vận dụng sáng tạo các tư tưởng, chiến lược, phương pháp dạy học hiện đại trong dạy học một trong số các lĩnh vực quan trọng ở tiểu học, gồm: Tiếng Việt, Toán, Khoa học tự nhiên và khoa học xã hội ở tiểu học, giáo dục STEAM.

11.2. Kĩ năng

*** Kĩ năng chung**

C11. Có kĩ năng giao tiếp với học sinh tiểu học, đồng nghiệp, cha mẹ học sinh và các bên liên quan để thực hiện thành công và hiệu quả công tác giáo dục học sinh ở trường tiểu học.

C12. Đạt trình độ tiếng Anh bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam.

*** Kĩ năng chuyên môn**

C13. Lập kế hoạch giáo dục, thiết kế và tổ chức hoạt động dạy học, hoạt động giáo dục phát huy được tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh; đánh giá học sinh một cách toàn diện và vì sự tiến bộ của người học.

C14. Xây dựng kế hoạch và thực hiện hiệu quả công tác chủ nhiệm lớp, công tác Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, Sao Nhi đồng; tổ chức tốt hoạt động trải nghiệm và các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp cho học sinh tiểu học.

C15. Xây dựng, bảo quản và sử dụng có hiệu quả hồ sơ giáo dục và giảng dạy. Sử dụng tốt các phương tiện dạy học, ứng dụng được công nghệ hiện đại trong dạy học và hoạt động nghề nghiệp.

C16. Tiến hành nghiên cứu khoa học theo hướng độc lập và hợp tác để giải quyết những vấn đề phát sinh trong lĩnh vực giáo dục tiểu học.

11.3. Phẩm chất đạo đức

C17. Say mê khám phá, phát hiện và khẳng định các giá trị Chân-Thiện-Mỹ; có lý tưởng, hoài bão; có tinh thần vị tha, hài hòa được mối quan hệ giữa lợi ích tập thể và cá nhân; có ý thức bảo vệ môi trường và cải thiện cuộc sống ngày càng tốt đẹp hơn; sống nhân văn và hướng thượng.

C18. Tuân thủ pháp luật và các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; có ý thức bảo vệ an ninh – quốc phòng toàn dân, giữ gìn và xây đắp văn hóa Việt Nam giàu bản sắc dân tộc và tiến bộ; có ý thức tôn trọng các giá trị văn hóa văn học có tính nhân văn của dân tộc và nhân loại; yêu quý, tôn trọng giá trị văn hóa Việt Nam, tiếng Việt và các giá trị nhân bản khác.

11.4. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

C19. Thực hiện đúng các quy định về đạo đức nhà giáo, quy chế dân chủ ở trường tiểu học; tự chủ và làm việc độc lập trong các nhiệm vụ cá nhân, hợp tác tốt trong các nhiệm vụ nhóm, thể hiện được quan điểm cá nhân trước các vấn đề cần giải quyết thuộc lĩnh vực chuyên môn, nghề nghiệp.

C20. Thể hiện ý thức về nghề nghiệp. Sẵn sàng khắc phục khó khăn để hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy và giáo dục học sinh. Thể hiện được tinh thần phấn đấu vươn lên trong nghề nghiệp.

12. Thông tin tuyển sinh: Theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội

13. Các chương trình, tài liệu chuẩn quốc tế mà đơn vị đào tạo tham khảo

- Chương trình đào tạo Bachelor of Primary Education của Đại học Hiroshima, Nhật Bản (<http://www.hiroshima-u.ac.jp/>).
- Chương trình đào tạo Bachelor of Primary Education của National union of teachers, Anh Quốc (www.nut.org.uk).
- Chương trình đào tạo Bachelor of Primary Education của NIE, Singapore (<http://www.nie.edu.sg/>).
- Chương trình đào tạo Bachelor of Primary Education của Đại học Toulouse, Pháp (<http://www.univ-tlse2.fr/>).
- Chương trình đào tạo Bachelor of Primary Education của Đại học Toronto, Canada (www.utoronto.ca/).

14. Cấu trúc chương trình đào tạo

14.1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo: 137 tín chỉ

Khối kiến thức chung: (*Chưa tính Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng – an ninh, Kỹ năng bổ trợ*): **16 tín chỉ**

Khối kiến thức theo lĩnh vực: 21 tín chỉ

Khối kiến thức theo khối ngành: 25 tín chỉ

+ *Bắt buộc*: 19 tín chỉ

+ *Tự chọn*: 6 tín chỉ/ 18 tín chỉ

Khối kiến thức theo nhóm ngành: 30 tín chỉ

+ *Bắt buộc*: 24 tín chỉ

+ *Tự chọn*: 6 tín chỉ/ 21 tín chỉ

Khối kiến thức ngành: 33 tín chỉ

+ *Bắt buộc*: 27 tín chỉ

+ *Tự chọn*: 6 tín chỉ/ 18 tín chỉ

Kiến thức thực tập và tốt nghiệp: 12 tín chỉ

14.2. Khung chương trình đào tạo

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
I	Khối kiến thức chung (Chưa tính các học phần 7, 8)		16				
1.	PHI1006	Triết học Mác- Lênin <i>Marxist – Leninist Philosophy</i>	3	30	15	0	
2.	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lênin <i>Marx-Lenin Political Economy</i>	2	20	10	0	PHI1006
3.	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học <i>Scientific Socialism</i>	2	20	10	0	
4.	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam <i>Revolutionary Guidelines of Vietnam Communist Party</i>	2	20	10	0	
5.	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh <i>Ho Chi Minh's Ideology</i>	2	20	10	0	
6.		Ngoại ngữ B1 <i>Foreign Language B1</i>	5	20	35	20	
7.		Giáo dục thể chất <i>Physical Education</i>	4				
8.		Giáo dục Quốc phòng - An ninh <i>National Defense Education</i>	8				
II.	Khối kiến thức theo lĩnh vực		21				
9.	PSE2026	Tâm lí học đại cương <i>General psychology</i>	3	30	15	0	
10.	PSE2027	Tâm lí học phát triển lứa tuổi tiểu học <i>Development Psychology in Elementary Schools</i>	3	30	15	0	

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
11.	EDT2002	Ứng dụng ICT trong giáo dục <i>ICT application in education</i>	3	20	23	2	
12.	PSE2009	Nhập môn khoa học giáo dục <i>Introduction to Educational sciences</i>	3	35	10	0	
13.	EDT2001	Nhập môn công nghệ giáo dục <i>Introduction to Educational Technology</i>	2	20	10	0	
14.	PSE2004	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục <i>Methodology of Educational Research</i>	3	26	16	3	
15.	EAM2052	Nhập môn Đo lường và đánh giá trong giáo dục <i>Introduction to measurement and evaluation in Education</i>	2	24	6	0	
16.	EDM2013	Nhập môn khoa học quản lý trong giáo dục <i>Introduction to management science in education</i>	2	24	6	0	
III.	Khối kiến thức theo khối ngành		25				
III.1	Các học phần bắt buộc		19				
17.	PSE2028	Tâm lý học giáo dục học sinh tiểu học <i>Educational Psychology in Elementary Schools</i>	3	30	15	0	
18.	TMT2096	Phát triển năng lực thông tin cho giáo viên	3	30	15	0	

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
		<i>Development of Information Litteracy for school teacher</i>					
19.	TMT3012	Đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực giáo dục <i>Professional ethics in the field of education</i>	4				
20.	TMT3009	Lý luận dạy học <i>Teaching Theories and Instruction</i>	3	24	21	0	
21.	TMT2079	Sinh lí trẻ em lứa tuổi tiểu học <i>Childrend Physiology in Elementary Schools</i>	3	30	15	0	
22.	EDM2001	Phát triển chương trình Giáo dục <i>School Education Curriculum Development</i>	3	36	6	3	
III.2	Các học phần tự chọn		6/21				
23.	PSE2006	Tư vấn tâm lí học đường <i>Psychological Counseling in Schools</i>	3	17	25	3	
24.	TMT3018	Giáo dục hòa nhập ở tiểu học <i>Inclusive Education in Elementary Schools</i>	3	30	15	0	
25.	PSE2005	Tổ chức các hoạt động giáo dục của nhà trường <i>Organising educational activities at School</i>	3	30	15	0	
26.	TMT2091	Dạy học tích hợp ở tiểu học <i>Integrated teaching in Elementary Schools</i>	3	30	15	0	

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
27.	EAM3002	Nhập môn thống kê ứng dụng trong giáo dục <i>Introduction of Applied statistics in education</i>	3	26	16	3	
28.	TMT2082	Phương pháp đánh giá học sinh Tiểu học <i>Methodology Elementary student assement</i>	3	30	15	0	
29.	TMT2087	Các dự án giáo dục STEAM ở Tiểu học <i>STEAM Education Projects in Elementary Schools</i>	3	30	15		Dự án
III.	Khối kiến thức cơ sở ngành		30				
III.1	Các học phần bắt buộc		24				
30.	TMT3020	Cơ sở tiếng Việt 1 <i>Vietnamese 1</i>	3	30	15	0	
31.	TMT3021	Cơ sở tiếng Việt 2 <i>Vietnamese 2</i>	3	30	15	0	TMT3020
32.	TMT3022	Cơ sở tiếng Việt 3 <i>Vietnamese 3</i>	3	30	15	0	TMT3021
33.	TMT3023	Cơ sở Toán học 1 <i>Mathematics 1</i>	3	30	15	0	
34.	TMT3024	Cơ sở Toán học 2 <i>Mathematics 2</i>	3	30	15	0	TMT3023
35.	TMT3025	Cơ sở khoa học tự nhiên <i>Natural Sciences Foundation</i>	3	30	15	0	
36.	TMT3026	Cơ sở khoa học xã hội <i>Social Sciences Foundation</i>	3	30	15	0	

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
37.	TMT3027	Nghệ thuật đại cương <i>General Art</i>	3	30	15	0	
III.2	<i>Các học phần tự chọn (Chọn một trong các nhóm học phần)</i>		06				
	<i>Nhóm 1</i>		6				
38.	TMT3028	Ngữ dụng học <i>Pragmatics</i>	3	30	15	0	
39.	TMT3029	Thể loại văn học <i>Literary genre</i>	3	30	15	0	
	<i>Nhóm 2</i>		6				
40.	TMT3017	Toán logic <i>Mathematical Logic</i>	3	30	15	0	
41.	TMT3031	Hình học sơ cấp <i>Elementary Geometry</i>	3	30	15	0	
	<i>Nhóm 3</i>						
42.	TMT3033	Sinh vật quanh ta <i>General Biology</i>	3	30	15		
43.	TMT3032	Tiến trình lịch sử Việt Nam <i>History Process of Vietnam</i>	3	30	15		
IV	Khối kiến thức ngành		33				
IV.1	<i>Các học phần bắt buộc</i>		27				
44.	TMT2080	Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 1 <i>Methodology of Teaching Vietnamese in Elementary Schools 1</i>	3	30	15		

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
45.	TMT3034	Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 2 <i>Methodology of Teaching Vietnamese in Elementary Schools 2</i>	3	30	15		TMT2080
46.	TMT2081	Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học 1 <i>Methodology of Teaching Vietnamese in Elementary Schools 1</i>	3	30	15		
47.	TMT3035	Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học 2 <i>Methodology of Teaching Vietnamese in Elementary Schools 2</i>	3	30	15		TMT2081
48.	TMT2083	Phương pháp dạy học Khoa học Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học 1 <i>Methodology of Teaching Social and Natural Science in Elementary Schools 1</i>	3	30	15		
49.	TMT2084	Phương pháp dạy học Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học 2 <i>Methodology of Teaching Social and Natural Science in Elementary Schools 1</i>	3	30	15		
50.	TMT2086	Phương pháp dạy học Đạo đức ở tiểu học <i>Methodology of Teaching Ethics in Elementary Schools</i>	3	30	15		
51.	TMT2099	Phương pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm ở tiểu học	3	15	30		

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
		<i>Methodology of Organizing experiential activities in Elementary Schools</i>					
52.	TMT2089	Phương pháp dạy học Tin học và Công nghệ ở tiểu học <i>Methodology of Teaching Informatic and Technology in Elementary Schools</i>	3	15	30		
IV.2.	Các học phần tự chọn (Chọn 1 trong các nhóm học phần)		06				
	Nhóm 1						
53.	TMT2093	Phát triển kỹ năng dạy học tiếng Việt ở tiểu học <i>Developing Vietnamese Teaching skills in Elementary Schools</i>	3	30	15	0	
54.	TMT3039	Bồi dưỡng học sinh có năng khiếu tiếng Việt ở tiểu học <i>Foster gifted students at Vietnamese in Elementary Schools</i>	3	30	15	0	
	Nhóm 2		6				
55.	TMT3040	Phát triển kỹ năng dạy học Toán ở tiểu học <i>Developing Mathematics Teaching skills in Elementary Schools</i>	3	30	15	0	
56.	TMT3041	Dạy Toán ở tiểu học bằng tiếng Anh <i>Teaching Mathematic in English Methodology</i>	3	30	15	0	

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
	Nhóm 3		6				
57.	TMT3042	Dạy học Khoa học ở tiểu học theo tiếp cận giáo dục STEM <i>Teaching Natural Sciences according to STEM education approache</i>	3	30	15	0	
58.	TMT2098	Dạy học Khoa học ở tiểu học bằng tiếng Anh <i>Teaching Natural Sciences in English</i>	3	30	15	0	
IV.3	Kiến thức thực tập và tốt nghiệp		12				
59.	TMT3051	Thực tập sư phạm và rèn nghề <i>Intership and apprenticeship</i>	7				
60.	TMT4050	Khóa luận Tốt nghiệp <i>Undergraduate Thesis</i>	5	0	75	0	
Tổng cộng:			137				

Ghi chú: Học phần Ngoại ngữ thuộc Khối kiến thức chung được tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo, nhưng kết quả đánh giá các học phần này không tính vào điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung các học phần và điểm trung bình chung tích lũy.

15. Ma trận kĩ năng thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt CĐR

Mức độ đóng góp được mã hóa như sau:

1 = Đóng góp mức thấp; 2= Đóng góp mức trung bình; 3= Đóng góp mức cao; Để trống = Không đóng góp

Học phần	Kiến thức chung		Khối kiến thức theo lĩnh vực		Khối kiến thức theo khối ngành		Khối kiến thức theo nhóm ngành		Khối kiến thức ngành		Kĩ năng chung		Kĩ năng chuyên môn				Chất lượng đạo đức		Năng lực	
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14	C15	C16	C17	C18	C19	C20
Khối kiến thức chung																				
PHI1006: Triết học Mac-Lenin	3	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	2	2	3
PEC1008: Kinh tế chính trị Mac-Lenin	3	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	3	3	2
PHI1002: Chủ nghĩa xã hội khoa học	3	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	2	2	3
HIS1001: Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	3	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	3	3	2
POL1001: Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	2	2	3
FLF2301: Ngoại ngữ B1	1	3	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	3	1	1	1	2	3	3	2
Giáo dục thể chất	3	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	3	3	2
Giáo dục quốc phòng-an ninh	3	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	2	2	3
Khối kiến thức theo lĩnh vực																				

Học phần	Kiến thức chung		Khối kiến thức theo lĩnh vực		Khối kiến thức theo khối ngành		Khối kiến thức theo nhóm ngành		Khối kiến thức ngành		Kĩ năng chung		Kĩ năng chuyên môn				Chất lượng đạo đức		Năng lực	
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14	C15	C16	C17	C18	C19	C20
PSE2026: Tâm lý học đại cương	1	1	1	3	1	1	1	1	1	1	1	2	1	1	1	2	2	3	3	2
PSE2027:Tâm lý học phát triển lứa tuổi tiểu học	1	1	1	3	1	1	1	1	1	1	1	2	1	1	1	2	2	2	2	3
EDT2002: Ứng ICT trong giáo dục	1	1	3	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	2	3	3	2
PSE2009:Nhập môn Khoa học giáo dục	1	1	2	3	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	2	3	3	2
EDT2001: Nhập môn Công nghệ giáo dục	1	1	3	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	2	2	2	2
PSE2004: Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	1	1	2	3	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	2	2	2	3
EAM2051: Nhập môn đo lường và đánh giá trong giáo dục	1	1	2	3	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	2	3	3	2
EDM2013: Nhập môn khoa học quản lý trong giáo dục	1	1	1	3	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	2	3	3	2
Khối kiến thức theo khối ngành																				

Học phần	Kiến thức chung		Khối kiến thức theo lĩnh vực		Khối kiến thức theo khối ngành		Khối kiến thức theo nhóm ngành		Khối kiến thức ngành		Kĩ năng chung		Kĩ năng chuyên môn				Phẩm chất đạo đức		Năng lực	
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14	C15	C16	C17	C18	C19	C20
PSE2028: Tâm lí học giáo dục học sinh lứa tuổi tiểu học	1	1	1	3	1	1	1	1	1	1	1	2	1	1	1	2	2	2	2	3
TMT2096: Phát triển năng lực thông tin cho giáo viên	1	1	2	3	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	2	2	2	2
TMT3008: Quy tắc đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực giáo dục	1	1	1	2	3	1	1	1	1	1	2	1	2	1	1	2	2	3	3	2
TMT3009: Lý luận dạy học	1	1		2	1	3	1	1	1	1	1	1	2	1	1	2	2	2	2	3
TMT2079: Sinh lí trẻ em lứa tuổi tiểu học	1	1	1	2	1	3	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	2	2	2	2
EDM2001: Phát triển chương trình Giáo dục phổ thông	1	1	1	2	1	3	1	1	1	1	1	1	2	1	1	2	2	3	3	2
PSE2006: Tư vấn tâm lí học đường	1	1	1	3	1	3	1	1	1	1	2	1	2	2	1	2	2	2	2	3
PSE2026: Giáo dục hòa nhập ở tiểu học	1	1	1	2	1	3	1	1	1	1	1	1	2	2	1	2	2	2	2	2

Học phần	Kiến thức chung		Khối kiến thức theo lĩnh vực		Khối kiến thức theo khối ngành		Khối kiến thức theo nhóm ngành		Khối kiến thức ngành		Kĩ năng chung		Kĩ năng chuyên môn				Phẩm chất đạo đức		Năng lực	
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14	C15	C16	C17	C18	C19	C20
PSE2006: Tổ chức các hoạt động giáo dục của nhà trường	1	1	1	2	1	3	1	1	1	1	2	1	2	2	1	2	2	3	3	2
TMT2091: Dạy học tích hợp ở tiểu học	1	1	1	2	1	3	1	1	1	1	1	1	2	2	1	2	2	2	2	3
EAM3002: Nhập môn thống kê ứng dụng trong giáo dục	1	1	1	2	1	3	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	2	3	3	2
TMT2082: Phương pháp đánh giá học sinh tiểu học	1	1	1	2	1	2	2	2	3	3	2	1	3	2	2	2	2	2	2	2
TMT2087: Các dự án giáo dục STEAM ở tiểu học	1	1	1	2	1	2	2	2	3	3	2	1	3	2	2	2	2	2	2	3
Khối kiến thức cơ sở ngành																				
TMT3020: Cơ sở tiếng Việt 1	1	1	1	1	1	1	3	2	2	2	1	1	1	1	1	1	2	2	2	3
TMT3021: Cơ sở tiếng Việt 2	1	1	1	1	1	1	3	2	2	2	1	1	1	1	1	1	2	3	3	2
TMT3022: Cơ sở tiếng Việt 3	1	1	1	1	1	1	3	2	2	2	1	1	1	1	1	1	2	2	2	3

Học phần	Kiến thức chung		Khối kiến thức theo lĩnh vực		Khối kiến thức theo khối ngành		Khối kiến thức theo nhóm ngành		Khối kiến thức ngành		Kĩ năng chung		Kĩ năng chuyên môn				Phẩm chất đạo đức		Năng lực	
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14	C15	C16	C17	C18	C19	C20
TMT3023: Cơ sở Toán học 1	1	1	1	1	1	1	3	2	2	2	1	1	1	1	1	1	2	3	3	2
TMT3024: Cơ sở Toán học 2	1	1	1	1	1	1	3	2	2	2	1	1	1	1	1	1	2	2	2	2
TMT3025: Cơ sở khoa học tự nhiên	1	1	1	1	1	1	3	2	2	2	1	1	1	1	1	1	2	3	3	2
TMT3026: Cơ sở khoa học xã hội	1	1	1	1	1	1	3	2	2	2	1	1	1	1	1	1	2	2	2	3
TMT3027: Nghệ thuật đại cương	1	1	1	1	1	1	3	2	2	2	1	1	1	1	1	1	2	3	3	2
TMT3028: Ngữ dụng học	1	1	1	1	1	1	3	3	2	2	1	1	1	1	1	1	2	2	2	3
TMT3029: Thể loại văn học	1	1	1	1	1	1	3	3	2	2	1	1	1	1	1	1	2	2	2	2
TMT3030: Toán logic	1	1	1	1	1	1	3	3	2	2	1	1	1	1	1	1	2	3	3	2
TMT3031: Hình học sơ cấp	1	1	1	1	1	1	3	3	2	2	1	1	1	1	1	1	2	3	3	2
TMT3033: Sinh vật quanh ta	1	1	1	1	1	1	3	3	2	2	1	1	1	1	1	1	2	2	2	3

Học phần	Kiến thức chung		Khối kiến thức theo lĩnh vực		Khối kiến thức theo khối ngành		Khối kiến thức theo nhóm ngành		Khối kiến thức ngành		Kĩ năng chung		Kĩ năng chuyên môn				Chất lượng đạo đức		Năng lực	
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14	C15	C16	C17	C18	C19	C20
TMT3032: Tiến trình lịch sử Việt Nam	1	1	1	1	1	1	3	3	2	2	1	1	1	1	1	1	2	2	2	3
Khối kiến thức ngành																				
TMT2080: Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 1	1	1	1	2	1	1	2	2	3	3	2	1	3	2	2	2	2	3	3	2
TMT3034: Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 2	1	1	1	2	1	1	2	2	3	3	2	1	3	2	2	2	2	2	2	2
TMT2081: Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học 1	1	1	1	2	1	2	2	2	3	3	2	1	3	2	2	2	2	2	2	3
TMT3035: Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học 2	1	1	1	2	1	2	2	2	3	3	2	1	3	2	2	2	2	3	3	2
TMT2083: Phương pháp dạy học Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học 1	1	1	1	2	1	2	2	2	3	3	2	1	3	2	2	2	2	2	2	2
TMT2084: Phương pháp dạy học Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học 2	1	1	1	2	1	2	2	2	3	3	2	1	3	2	2	2	2	2	2	3

Học phần	Kiến thức chung		Khối kiến thức theo lĩnh vực		Khối kiến thức theo khối ngành		Khối kiến thức theo nhóm ngành		Khối kiến thức ngành		Kĩ năng chung		Kĩ năng chuyên môn				Chất lượng đạo đức		Năng lực	
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14	C15	C16	C17	C18	C19	C20
TMT2086: Phương pháp dạy học Đạo đức ở tiểu học	1	1	1	2	1	2	2	2	3	3	2	1	3	2	2	2	2	3	3	2
TMT2099: Phương pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm ở tiểu học	1	1	1	2	1	2	2	2	3	3	2	1	3	2	2	2	2	3	3	2
TMT2089: Phương pháp dạy học Tin học và Công nghệ ở tiểu học	1	1	1	2	1	2	2	2	3	3	2	1	3	2	2	2	2	3	3	2
TMT2093: Phát triển kĩ năng dạy học tiếng Việt ở tiểu học	1	1	1	2	1	2	2	2	3	3	2	1	3	2	2	2	2	3	3	2
TMT3039: Bồi dưỡng học sinh có năng khiếu Tiếng Việt ở tiểu học	1	1	1	2	1	2	2	2	3	3	2	1	3	2	2	2	2	2	2	3
TMT3040: Phát triển kĩ năng dạy học Toán ở tiểu học	1	1	1	2	1	2	2	2	3	3	2	1	3	2	2	2	2	3	3	2
TMT3041: Dạy Toán ở tiểu học bằng tiếng Anh	1	2	1	2	1	2	2	2	3	3	2	1	3	2	2	2	2	3	3	2
TMT3042: Dạy học Khoa học ở tiểu học	1	1	2	2	1	2	2	2	3	3	2	1	3	2	2	2	2	2	2	3

Học phần	Kiến thức chung		Khối kiến thức theo lĩnh vực		Khối kiến thức theo khối ngành		Khối kiến thức theo nhóm ngành		Khối kiến thức ngành		Kĩ năng chung		Kĩ năng chuyên môn				Chất lượng đạo đức		Năng lực	
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14	C15	C16	C17	C18	C19	C20
theo tiếp cận giáo dục STEM																				
TMT2098: Dạy học Khoa học ở tiểu học bằng tiếng Anh	1	2	1	2	1	2	2	2	3	3	2	1	3	2	2	2	2	3	3	2
Kiến thức thực tập và tốt nghiệp																				
TMT3050: Thực hành sư phạm và rèn nghề.	1	1	2	2	2	2	2	2	3	3	2	1	3	2	2	3	2	3	3	2
TMT4050: Khóa luận tốt nghiệp	1	1	2	2	2	2	2	2	3	3	2	1	3	2	2	3	2	2	2	3

16. Mô tả tóm tắt học phần

16.1. PHI1006 - Triết học Mác- Lênin (3 tín chỉ)

(Dạy học theo đề cương của ĐHQGHN)

Học phần tiên quyết: không

Tóm tắt nội dung:

Học phần những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin 1 cung cấp cho người học thế giới quan và phương pháp luận triết học đúng đắn thông qua những nội dung của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử: Trình bày hệ thống quan niệm của triết học Mác - Lênin về tự nhiên, xã hội và con người, mối quan hệ giữa tự nhiên, xã hội và con người; những quy luật chung nhất của sự vận động, phát triển của tự nhiên, xã hội và của tư duy con người. Lý luận của triết học Mác - Lênin về hình thái kinh tế - xã hội, về giai cấp, đấu tranh giai cấp giải phóng con người, về dân tộc, cách mạng xã hội, vai trò của quần chúng nhân dân và cá nhân lãnh tụ trong lịch sử.

16.2. PEC1008 - Kinh tế chính trị Mác - Lênin (2 tín chỉ)

(Dạy học theo đề cương Đại học Quốc Gia Hà Nội)

Học phần tiên quyết: PHI1006 - Triết học Mác- Lênin

Những nguyên lý cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác - Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa qua việc nghiên cứu 3 học thuyết kinh tế: học thuyết về giá trị, học thuyết về giá trị thặng dư và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước. Các học thuyết này không chỉ làm rõ những quy luật kinh tế chủ yếu chi phối sự vận động của nền kinh tế thị trường, của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa mà còn chỉ ra tính tất yếu của sự sụp đổ chủ nghĩa tư bản và sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội. Trên cơ sở đó làm rõ những cơ sở lý luận cơ bản, trực tiếp dẫn đến sự ra đời và những nội dung chủ yếu của học thuyết Mác- Lênin về chủ nghĩa xã hội.

16.3. PHI1002 - Chủ nghĩa xã hội khoa học (2 tín chỉ)

(Dạy học theo đề cương ĐHQGHN)

16.4. HIS1002 - Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (2 tín chỉ)

(Dạy học theo đề cương Đại học Quốc Gia Hà Nội)

Học phần tiên quyết:

Tóm tắt nội dung học phần:

- Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng;
- Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975);

- Đường lối công nghiệp hoá; Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; Đường lối xây dựng hệ thống chính trị; Đường lối xây dựng, phát triển nền văn hoá và giải quyết các vấn đề xã hội và Đường lối đối ngoại.

16.5. POL1001 - Tư tưởng Hồ Chí Minh (2 tín chỉ)

(Dạy học theo đề cương ĐHQGHN)

Học phần tiên quyết:

Tóm tắt nội dung:

Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về:

- Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh;
- Hệ thống những quan điểm toàn diện và sâu sắc về một số vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, bao gồm vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; Đảng Cộng sản Việt Nam; đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; dân chủ và xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân; đạo đức, văn hóa và xây dựng con người mới.

- Những đóng góp về lý luận và thực tiễn của Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp cách mạng của dân tộc Việt Nam.

16.6. Ngoại ngữ (5 tín chỉ) Theo đề cương của ĐHQG Hà Nội.

16.7. Giáo dục thể chất: Theo đề cương của ĐHQG Hà Nội.

16.8. Giáo dục quốc phòng: Theo đề cương của ĐHQG Hà Nội.

16.9. PSE2026 Tâm lý học đại cương (3 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: không

Tóm tắt nội dung:

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về khoa học tâm lý học và vận dụng kiến thức đó vào trong nhà trường nhằm nâng cao hiệu quả của quá trình dạy học và giáo dục. Nội dung học phần đề cập đến các vấn đề: Lịch sử tâm lý học. Các trường phái tâm lý học, quan điểm duy vật biện chứng về tâm lý và các phương pháp nghiên cứu. Cơ sở sinh lý thần kinh của tâm lý. Sự phát triển của con người qua các giai đoạn lứa tuổi. Quá trình nhận thức của con người. Sự phát triển trí tuệ và các biện pháp phát triển trí tuệ. Các vấn đề ý thức và vô thức trong đời sống tâm lý con người. Các lý thuyết về sự học. Hoạt động học tập và đặc điểm hoạt động học tập của người học. Trí nhớ và các quá trình trí nhớ. Quên và các biện pháp chống quên. Giới thiệu về động cơ, động cơ học tập và các biện pháp hình thành động cơ học tập cho học sinh. Đời sống tình cảm và các đặc điểm của đời sống tình cảm. Vấn đề stress và quản lý stress. Các

rối loạn tâm lý xảy ra ở học sinh. Các vấn đề nhân cách, cấu trúc nhân cách và những đặc điểm nhân cách của học sinh với việc học.

16.10. PSE2027 Tâm lí học phát triển lứa tuổi tiểu học (3 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: không

Tóm tắt nội dung:

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về tâm lí học tiểu học: đối tượng, nhiệm vụ và hệ thống phương pháp nghiên cứu của Tâm lí học tiểu học; vai trò của Tâm lí học tiểu học, vận dụng các hiểu biết về lí luận phát triển tâm lí học sinh tiểu học để giải thích các hiện tượng tâm lí nảy sinh và thể hiện ở học sinh tiểu học, vào việc học tập nghiên cứu và vận dụng trong việc dạy học, giáo dục học sinh. Học phần đề cập đến đặc điểm tâm lí của học sinh tiểu học: vận dụng được các hiểu biết về đặc điểm nhận thức và nhân cách của học sinh tiểu học vào việc phân tích, giải thích các biểu hiện tâm lí của học sinh tiểu học.; các hoạt động cơ bản của học sinh tiểu học: phân tích đặc điểm của hoạt động học; chỉ ra được vai trò chủ đạo của hoạt động học đối với học sinh tiểu học; phân tích được các thành phần của cấu trúc hoạt động học; trình bày được sự hình thành hoạt động học ở HS tiểu học.

16.11. EDT2002 - Ứng dụng ICT trong giáo dục (3 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: EDT2001 -Nhập môn Công nghệ giáo dục

Tóm tắt nội dung:

Học phần nghiên cứu về việc Ứng dụng ICT trong giáo dục ở trường THPT. Dựa trên nghiên cứu về các mô hình ứng dụng ICT trong giáo dục, xác định vai trò, chức năng, nguyên tắc ứng dụng ICT trong giáo dục. Sinh viên được thực hành sử dụng các phần mềm phổ biến trong dạy học vật lí ở trường phổ thông, từ việc sử dụng phần mềm để quản lí lớp học, chuẩn bị kế hoạch bài dạy có ứng dụng ICT, thực hành dạy học với các phần mềm.

16.12. PSE2009 - Nhập môn khoa học giáo dục (3 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: không

Tóm tắt nội dung:

Học phần này giúp sinh viên có cái nhìn tổng quan về các học thuyết cũng như những thành tựu nghiên cứu của Khoa học giáo dục được ứng dụng cho việc dạy học và phân tích các vấn đề thực tiễn giáo dục. Các nội dung được trú trọng trong học phần này bao gồm: Lịch sử phát triển và các học thuyết giáo dục hiện đại; các phạm trù cơ bản của GDH; vai trò của GD với sự phát triển của cá nhân, xã hội, cộng đồng và phát triển nguồn nhân lực. Sinh viên sẽ được tham gia vào các hoạt động học tập đòi hỏi sự chủ động trong

nhận thức và khả năng tích hợp kinh nghiệm trong cuộc sống hàng ngày. Sinh viên được khuyến khích kiểm tra hệ thống giáo dục của Việt nam và việc học tập của chính bản thân với những gì các bạn được học trong khóa học này. Sinh viên được tạo cơ hội để tích cực khám phá những ý nghĩa thực tế và các ứng dụng của lý thuyết tâm lý, xã hội, kinh tế, quản lý, công nghệ,... trong Khoa học Giáo dục.

16.13. EDT2001 - Nhập môn công nghệ giáo dục (2 tín chỉ)

Học phần tiên quyết:

Tóm tắt nội dung:

Học phần cung cấp khung lí thuyết về các mô hình ứng dụng công nghệ trong giáo dục và dạy học hiện nay; mối quan hệ giữa hệ thống các nguyên tắc tổ chức quá trình dạy học với các mô hình áp dụng giải pháp, công cụ công nghệ dạy học; các nguyên tắc đánh giá tính hiệu quả, khả thi của việc tích hợp công nghệ trong môi trường dạy học mới [dạy học phi truyền thống]. Với các nội dung thực hành, người học có cơ hội được hình thành và rèn luyện kĩ năng sử dụng công nghệ mới trong dạy học theo tiếp cận phát triển năng lực.

16.14. PSE2004 - Phương pháp nghiên cứu khoa học trong giáo dục (3 tín chỉ)

Học phần tiên quyết:

Tóm tắt nội dung:

Học phần được thiết kế với thời lượng 3 tín chỉ và nhằm mục đích cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng cơ bản, bước đầu thực hiện các loại hình nghiên cứu trong lĩnh vực giáo dục như bài tập lớn, khoá luận tốt nghiệp, báo cáo khoa học, bài báo khoa học. Học phần được thiết kế theo các nội dung cơ bản sau:

- Hệ thống khái niệm cơ bản, quan điểm tiếp cận về nghiên cứu khoa học giáo dục, các lĩnh vực nghiên cứu khoa học giáo dục;
- Một số nguyên tắc, yêu cầu khi thực hiện đề tài nghiên cứu trong lĩnh vực giáo dục;
- Đặc điểm và phân loại các nhóm phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục. Lựa chọn và triển khai một số phương pháp nghiên cứu trong khoa học giáo dục;
- Kỹ thuật xử lý số liệu và phân tích kết quả;
- Quy trình tiến hành một công trình nghiên cứu khoa học giáo dục, thiết kế đề cương nghiên cứu;
- Trình bày một công trình nghiên cứu khoa học giáo dục dưới các hình thức khác nhau như bài tập lớn, khoá luận tốt nghiệp, báo cáo khoa học;
- Tiêu chí đánh giá và đánh giá một nghiên cứu khoa học giáo dục;

Học phần sẽ được thực hiện dưới hình thức đan xen các phần lý thuyết và thực hành, trong đó hoạt động thực hành chiếm phần lớn thời lượng Học phần và dưới các hình thức khác nhau như cá nhân, nhóm, seminar...

16.15. EAM2051 - Nhập môn đo lường đánh giá trong giáo dục (2 tín chỉ)

Học phần tiên quyết:

Tóm tắt nội dung

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng ban đầu về khoa học đo lường và đánh giá, về các hoạt động đánh giá, giám sát chất lượng trong các hệ thống giáo dục. Học phần bao gồm 4 nội dung chính: (i) Chương 1: Khái quát về đo lường và đánh giá chất lượng giáo dục; (ii) Chương 2: Các loại hình đánh giá chất lượng giáo dục, (iii) Chương 3: Đo lường và đánh giá thành quả học tập, (iv) Chương 4: Thanh tra và giám sát chất lượng giáo dục

Thông qua 4 nội dung của học phần, sinh viên sẽ lần lượt tiếp cận những vấn đề mang tính lý luận cơ bản, làm nền tảng cho mọi hoạt động đo lường và đánh giá trong giáo dục; làm quen với các loại hình đánh giá chất lượng giáo dục phân loại theo nguồn gốc thông tin mà mỗi loại hình sử dụng để đánh giá; tìm hiểu về đo lường và đánh giá thành quả học tập: các mục đích, chức năng và quy trình đánh giá trên diện rộng, đánh giá trong lớp học; đi sâu tìm hiểu về đánh giá chất lượng hoạt động của một cơ sở đào tạo, từ hoạt động tự đánh giá của cơ sở đào tạo tới công tác thanh tra, giám sát các hoạt động trong cơ sở đào tạo.

16.16. EDM2013 - Nhập môn khoa học quản lý trong giáo dục ((2 tín chỉ)

Học phần tiên quyết:

Tóm tắt nội dung

Học phần này được thiết kế giúp người học biết xác định các lý thuyết lãnh đạo hiện đại và truyền thống, và áp dụng các lý thuyết này cho các vấn đề thực tiễn trong các môi trường giáo dục. Học phần nhấn mạnh kiến thức, phân tích và các ứng dụng rút ra từ các quan điểm đa ngành, bao gồm hành vi tổ chức, tâm lý học và xã hội học. Các Tài liệu tham khảo thêm được thiết kế để tạo điều kiện cho phát triển nhận thức của cá nhân và nhóm về các khái niệm và hỗ trợ người học phát triển các kỹ năng dựa trên giải quyết tình huống.

16.17. PSE2028 - Tâm lý học giáo dục học sinh tiểu học (3 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: PSE2026

Tóm tắt nội dung:

Học phần cung cấp cho SV các kiến thức cơ bản về quá trình nhận thức của con người, sự phát triển trí tuệ và các biện pháp phát triển trí tuệ, các lý thuyết về sự học, hoạt động học tập và đặc điểm hoạt động học tập của học sinh tiểu học. Học phần giới thiệu về động cơ, động cơ học tập và các biện pháp hình thành động cơ học tập cho học sinh cũng như vấn đề stress và quản lý stress, các rối loạn tâm lý xảy ra ở học sinh, các vấn đề nhân cách, cấu trúc nhân cách và những đặc điểm nhân cách của học sinh tiểu học với việc học. Hoạt động dạy học và nhân cách người giáo viên, các biện pháp phát triển nhân cách người giáo viên tiểu học

16.18. TMT2096 – Phát triển năng lực thông tin cho giáo viên (3 tín chỉ)

Học phần tiên quyết:

Tóm tắt nội dung

Năng lực thông tin giúp các cá nhân có thể xử lý, giải quyết và làm chủ các vấn đề liên quan đến khai thác và sử dụng thông tin trong bối cảnh bùng nổ thông tin và xã hội thông tin hiện nay. Cần lưu ý rằng, sự thành thạo về sử dụng công nghệ không đồng nghĩa với việc sử dụng và khai thác thông tin hiệu quả. Do đó, cần có những giải pháp để ứng phó và giải quyết những vấn đề do sự bùng nổ thông tin gây ra. Việc dễ dàng công bố, đăng tải, và truy cập thông tin, đặc biệt là thông tin trên Internet, khiến cho người sử dụng thông tin bị quá tải, dẫn đến gặp nhiều khó khăn trong việc xác định, lựa chọn, tìm kiếm và đánh giá các nguồn thông tin phù hợp, đáng tin cậy, phục vụ cho các nhu cầu học tập, nghiên cứu và sinh sống. Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng cần thiết để giải quyết những nêu trên, giúp người học nâng cao hiệu quả học tập và chuẩn bị sẵn sàng cho khả năng học tập suốt đời.

16.19. TMT3008 – Đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực giáo dục (4 tín chỉ)

Học phần tiên quyết:

Tóm tắt nội dung

Đạo đức nhà giáo là một nhánh trong hệ thống đạo đức xã hội, là những quan điểm, quy tắc và chuẩn mực hành vi đạo đức xã hội đòi hỏi phải tuân theo trong hoạt động nghề nghiệp, có tính đặc trưng của nghề nghiệp. Nghĩa vụ đạo đức nghề nghiệp là trách nhiệm của người làm nghề trước xã hội và trước người khác. Lương tâm nghề nghiệp là sự tự phán xét, tự ý thức về trách nhiệm đạo đức nghề nghiệp. Lương tâm nghề nghiệp giữ chức năng tình cảm của nghĩa vụ đạo đức nghề nghiệp, trạng thái khẳng định của lương tâm có vai trò nâng cao tính tích cực của con người, giúp cho con người tin tưởng vào mình trong quá trình hoạt động nghề nghiệp. Đánh mất ý thức về nghĩa

vụ đạo đức là đánh mất ý thức về bản thân mình, làm mất ý nghĩa làm người cũng như giá trị động lực của lao động.

Đạo đức nghề nghiệp đối với giáo dục là những chuẩn mực cao nhất về đạo đức, giáo dục và chuyên môn sư phạm vì lợi ích của xã hội; được xem là thước đo nhân phẩm để thầy cô kiến tạo những thế hệ tương lai của đất nước. Với những nhà giáo, đạo đức nghề nghiệp phải được rèn luyện nghiêm khắc hơn bất kì ngành nghề nào. Trong bất kì hoàn cảnh nào, đạo đức nghề nghiệp là nền tảng, niềm tin để các nhà giáo cống hiến hết mình cho sự nghiệp trồng người, vun đắp và thắp sáng cái thiện cũng như những đam mê khám phá tri thức cho những mầm non tương lai của xã hội.

Trong môi trường giáo dục, đạo đức nhà giáo dục chính là các chuẩn mực để đánh giá tinh thần, thái độ và sự chuyên nghiệp của mỗi cán bộ, mỗi nhà giáo; đánh giá sự thành công của mỗi cán bộ, mỗi nhà giáo. Những nhà giáo tuân thủ đạo đức nghề nghiệp luôn được tôn trọng và đánh giá cao. Những hành vi vi phạm chuẩn mực có thể bị lãnh đạo cơ sở giáo dục xử lý, hình thức xử lý có thể bao gồm từ nhắc nhở, khiển trách, kỷ luật hoặc đình chỉ công tác trong ngành giáo dục.

16.20. TMT3009 - Lý luận dạy học (3 tín chỉ)

Học phần tiên quyết:

Tóm tắt nội dung:

Học phần cung cấp những khái niệm cơ bản, bản chất, quy luật và đặc điểm của quá trình dạy học, những lý thuyết dạy học, những quan điểm dạy học khác nhau, sự phát triển của dạy học qua các thời kỳ lịch sử với sự chi phối chặt chẽ của điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội. Đặc biệt học phần còn giới thiệu các xu hướng và thực tiễn đổi mới dạy học trên thế giới và ở Việt Nam, các phương pháp dạy học và kỹ thuật triển khai các phương pháp dạy học trong dạy học. Học phần Lý luận dạy học là học phần cơ bản trong nhóm bộ môn đào tạo nghiệp vụ sư phạm vì vậy nó vừa mang tính chất lý luận vừa mang tính thực hành.

16.21. TMT 2079 – Sinh lý trẻ em lứa tuổi tiểu học (3 tín chỉ)

Học phần tiên quyết:

Tóm tắt nội dung:

Học phần tập trung nghiên cứu những qui luật hình thành và phát triển của các chức năng sinh lý của cơ thể trẻ em qua các lứa tuổi. Đồng thời Học phần còn nghiên cứu về các đặc điểm giải phẫu sinh lý của trẻ em và thiếu niên cần thiết cho công tác của các nhà giáo dục.

Học phần có mối quan hệ chặt chẽ và là kiến thức nền tảng cho các Học phần Tâm lý học trẻ em.

16.22. EDM2001- Phát triển chương trình Giáo dục phổ thông (3 tín chỉ)

Học phần tiên quyết:

Tóm tắt nội dung:

Học phần gồm có 04 chương:

Chương 1. Giới thiệu chung về lí thuyết phát triển chương trình giáo dục

Chương 2. Xu thế phát triển chương trình phổ thông trên thế giới

Chương 3. Một số định hướng phát triển chương trình giáo dục phổ thông của Việt Nam từ kinh nghiệm quốc tế

Chương 4. Phát triển chương trình nhà trường tiểu học

16.23. PSE2006- Tư vấn tâm lí học đường (3 tín chỉ)

Học phần tiên quyết:

Tóm tắt nội dung:

Học phần Tập trung vào các vấn đề: Lí luận chung về sự phát triển tâm lí học sinh nói chung và học sinh tiểu học nói riêng; các đặc điểm tâm lí cơ bản, hoạt động học và các dạng hoạt động khác của học sinh tiểu học; những nội dung cơ bản về tâm lí học dạy học và tâm lí học giáo dục tiểu học, nhân cách người giáo viên tiểu học.

Học phần có mối quan hệ trực tiếp với học phần Tâm lí học giáo dục, hoạt động trải nghiệm sáng tạo, gián tiếp với các học phần khác ở trường Tiểu học.

16.24. TMT3018- Giáo dục hòa nhập ở tiểu học (3 tín chỉ)

Học phần tiên quyết:

Tóm tắt nội dung:

Nội dung học phần bao gồm: Khái niệm và các dạng khuyết tật; một số khái niệm về giáo dục hòa nhập, quy trình tổ chức các hoạt động giáo dục hòa nhập trong nhà trường, lớp học tiểu học cho trẻ các dạng khuyết tật khác nhau theo phương thức giáo dục hòa nhập.

16.25. PSE2005 – Tổ chức các hoạt động giáo dục của nhà trường (3 tín chỉ)

Học phần tiên quyết:

Tóm tắt nội dung:

Học phần trang bị cho sinh viên những vấn đề chung của tổ chức các hoạt động giáo dục trong nhà trường và lớp học, quản lí lớp học, cụ thể như giới thiệu các khái niệm quan trọng, định vị nội dung quan trọng của học phần đối với nghề nghiệp của ... Tiếp đến bàn về các vấn đề có tính chất cơ sở khoa học của tổ chức hoạt động giáo dục, quản lí lớp học ở tiểu học. Bao gồm: các quan điểm tiếp cận trong tổ chức hoạt động giáo dục, quản lí lớp học, đặc điểm của học sinh tiểu học và hoạt động giáo dục ở tiểu

học. Phân trọng tâm, có tính thực tiễn cao của học phần bàn về nội dung và phương thức quản tổ chức hoạt động giáo dục, lí lớp học ở tiểu học.

16.26. TMT2091 - *Dạy học tích hợp ở tiểu học (3 tín chỉ)*

Học phần tiên quyết

Tóm tắt nội dung:

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về dạy học tích hợp ở tiểu học bao gồm: những khái niệm có liên quan đến dạy học tích hợp, xu thế dạy học tích hợp trên thế giới, các dạng thức tích hợp ở tiểu học, phân biệt sự khác biệt và những đặc trưng cơ bản của dạy học tích hợp và dạy học truyền thống. Trên cơ sở đó sinh viên có thể thiết kế và phân tích các chủ đề tích hợp, thiết kế bài học tích hợp và cách thức tổ chức dạy học tích hợp cho học sinh tiểu học.

16.27. EAM 3002 – *Nhập môn thống kê ứng dụng trong giáo dục (3 tín chỉ)*

Học phần tiên quyết

Tóm tắt nội dung:

Nội dung học phần gồm 6 chương:

- Chương 1 – Tổng quan về thống kê ứng dụng.
- Chương 2 – Một số nội dung cơ bản của lý thuyết xác suất.
- Chương 3 - Thống kê mô tả.
- Chương 4 - Ước lượng và kiểm định giả thuyết.
- Chương 5 - Phân tích tương quan và hồi quy tuyến tính.
- Chương 6 - Phân tích nhân tố, độ tin cậy của thang đo.

16.28. TMT2082 - *Phương pháp đánh giá học sinh tiểu học (3 tín chỉ)*

Học phần tiên quyết:

Tóm tắt nội dung:

Học phần giới thiệu một số khái niệm liên quan đến đánh giá, vai trò, chức năng, nguyên tắc, quy trình đánh giá trong giáo dục tiểu học. Học phần giới thiệu về nội dung, phương pháp, hình thức, các công cụ đánh giá và cách thực hiện hoạt động đánh giá trong giáo dục tiểu học.

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức, kĩ năng cần thiết để thực hiện hoạt động đánh giá trong giáo dục và trong dạy học ở trường tiểu học.

16.29. TMT2087 - *Các dự án giáo dục STEAM ở trường tiểu học (3 tín chỉ)*

Học phần tiên quyết:

Tóm tắt nội dung:

Học phần gồm có 4 chương, giúp người học khám phá về bản chất, đặc trưng của dự án học tập và dạy học theo dự án; khám phá về giáo dục STEAM cho đối tượng học sinh tiểu học; tìm hiểu về nguyên tắc và quy trình thiết kế dự án giáo dục STEAM cho học sinh tiểu học. Thực hành thiết kế được một số sản phẩm minh họa dự trên sự tìm hiểu về một số dự án giáo dục STEAM dành cho các đối tượng học sinh tiểu học ở các độ tuổi khác nhau.

16.30. TMT3020 – Cơ sở Tiếng Việt 1 (3 tín chỉ)

Học phần tiên quyết:

Tóm tắt nội dung:

Nội dung học phần bao gồm những vấn đề cơ bản sau:

- Nguồn gốc và quá trình phát triển của tiếng Việt và chữ viết, đặc điểm loại hình của tiếng Việt.

- Ngữ âm tiếng Việt: Âm tiết tiếng Việt, Hệ thống âm vị tiếng Việt, Chữ viết và chính tả tiếng Việt.

- Từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Việt: cấu tạo từ tiếng Việt, nghĩa của từ và các lớp từ có quan hệ về nghĩa, các lớp từ phân loại theo nguồn gốc.

- Ngữ pháp tiếng Việt: từ loại tiếng Việt, cụm từ tiếng Việt, câu và dấu câu tiếng Việt.

- Ngữ pháp văn bản: đoạn văn và văn bản.

- Phong cách ngôn ngữ tiếng Việt: Các phương tiện và biện pháp tu từ trong tiếng Việt.

16.31. TMT3021 - Cơ sở Tiếng Việt 2 (3 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: TMT3020

Tóm tắt nội dung:

Học phần gồm có 03 chương: Chương 1: Lý luận văn học, Chương 2: Văn học Việt Nam, Chương 3: Văn học nước ngoài trong chương trình Tiểu học. Người học sẽ có được những kiến thức và khái niệm cơ bản về lý luận văn học và vận dụng vào trong những tác phẩm văn học cụ thể ở tiểu học và hệ thống hóa các kiến thức đại cương về văn học dân gian Việt Nam, văn học viết Việt Nam và văn học nước ngoài ở cả hai mảng văn học dân gian và văn học viết trong chương trình tiểu học.

16.32. TMT3022 - Cơ sở Tiếng Việt 3 (3 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: TMT3020; TMT3021

Tóm tắt nội dung:

Học phần gồm có 03 chương: Chương 1: Lý luận văn học, Chương 2: Văn học Việt Nam, Chương 3: Văn học nước ngoài trong chương trình Tiểu học. Người học sẽ có được kiến thức và khái niệm cơ bản về lý luận văn học và vận dụng vào trong những tác phẩm văn học cụ thể ở tiểu học; hệ thống hóa các kiến thức đại cương về văn học dân gian Việt Nam, văn học viết Việt Nam và văn học nước ngoài ở cả hai mảng văn học dân gian và văn học viết trong chương trình tiểu học.

16.33. TMT3023 - Cơ sở Toán học 1(3 tín chỉ)

Học phần tiên quyết:

Tóm tắt nội dung:

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng về cơ sở logic toán học như: tập hợp, ánh xạ, mệnh đề,... và các phương pháp suy luận, logic toán học, làm cơ sở để học tập các nội dung giải toán tiểu học, như:

- Số học và phép tính
- Hình học và đo lường
- Thống kê và xác suất

Học phần trang bị kiến thức cơ sở để sinh viên nghiên cứu, học tập môn phương pháp dạy học toán ở tiểu học.

16.34. TMT3024 - Cơ sở Toán học 2 (3 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: TMT3023

Tóm tắt nội dung:

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng về số học các số tự nhiên, phân số và số thập phân; đại lượng và đo đại lượng liên quan đến toán tiểu học. Sinh viên hiểu được vai trò của các phép tính trên các tập số trong dạy học toán tiểu học, từ đó sinh viên có những kỹ năng cần thiết để học tập các môn thuộc PPDH.

16.35. TMT3025 - Cơ sở khoa học tự nhiên (3 tín chỉ)

Học phần tiên quyết:

Tóm tắt nội dung:

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng, thái độ về cơ thể thực vật, cơ thể động vật, vật chất và năng lượng; những kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, bao gồm các lĩnh vực kiến thức về địa lí (địa lí tự nhiên đại cương, địa lí các châu lục và địa lí Việt Nam, kiến thức về xã hội (gia đình, trường học, quê hương), kiến thức về lịch sử Việt Nam. Kiến thức Học phần làm cơ sở cho sinh viên học tập tốt môn PPDH TN-XH, từ đó giúp cho sinh viên dạy tốt hơn các môn Tự nhiên - Xã hội ở Tiểu học. Đồng thời Học phần cũng hình thành cho sinh viên các kỹ năng cần thiết để sưu tầm,

tích lũy kiến thức và có thể giải thích được các sự kiện, hiện tượng thường gặp trong tự nhiên, xã hội và cuộc sống xung quanh.

16.36. TMT3026 - Cơ sở khoa học xã hội (3 tín chỉ)

Học phần tiên quyết:

Tóm tắt nội dung:

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng, thái độ về những kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, bao gồm các lĩnh vực kiến thức về địa lí (địa lí tự nhiên đại cương, địa lí các châu lục và địa lí Việt Nam, kiến thức về xã hội (gia đình, trường học, quê hương), kiến thức về lịch sử Việt Nam. Kiến thức Học phần làm cơ sở cho sinh viên học tập tốt môn PPDH TN-XH, từ đó giúp cho sinh viên dạy tốt hơn các môn Tự nhiên - Xã hội ở Tiểu học. Đồng thời Học phần cũng hình thành cho sinh viên các kỹ năng cần thiết để sưu tầm, tích lũy kiến thức và có thể giải thích được các sự kiện, hiện tượng thường gặp trong tự nhiên, xã hội và cuộc sống xung quanh.

16.37. TMT3027 - Nghệ thuật đại cương (3 tín chỉ)

Học phần tiên quyết:

Tóm tắt nội dung:

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về âm nhạc, hội họa sơ giản (các khái niệm, các kí hiệu có trên bài hát)

Giải thích các khái niệm trong âm nhạc, giải thích các ký hiệu có trên bài hát cho học sinh tiểu học hiểu. Người học sẽ biết cách chuyển giọng bài hát, biết dàn dựng bài hát, biết dạy hát cho HSTH, hát tốt các bài hát trong chương trình âm nhạc tiểu học.

Học phần trang bị một số kiến thức cơ bản về vẽ trang trí, về màu sắc trong trang trí. Qua đó, giúp sinh viên vẽ lại được các vật mẫu thông qua cấu trúc hình thể, tỉ lệ và tương quan đậm nhạt, màu sắc, sáng tối của chúng; thực hành tốt các bài trang trí cơ bản và ứng dụng; sắp xếp

16.38. TMT3028 – Ngữ dụng học (3 tín chỉ)

Học phần tiên quyết:

Tóm tắt nội dung:

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về ngữ dụng học (đối tượng, nhiệm vụ, mục đích, phương pháp nghiên cứu...); cung cấp các khái niệm và vấn đề cơ bản trong nghiên cứu dụng học như: các khái niệm về quy chiếu, trực chỉ, hồi chỉ, đa thanh, các loại nghĩa hàm ẩn trong ngôn ngữ (tiền giả định, hàm ẩn hội thoại và hàm nghĩa), lý thuyết hành vi ngôn ngữ (lý thuyết của John L.Austin, lý thuyết của John R.Searle...) các nhân tố giao tiếp và quy tắc giao tiếp (vấn đề ngữ cảnh, diễn ngôn, các

quy tắc về bảo tồn giá trị hữu ích, lịch sử, hợp tác hội thoại ...)... Đồng thời học phần cũng trang bị cho sinh viên các kỹ năng phương pháp phân tích, mô tả các vấn đề dụng học trong quá trình nghiên cứu ngôn ngữ nói chung. Bên cạnh đó, học phần còn gợi mở những hướng tiếp cận mang tính dụng học trong việc nghiên cứu tiếng Việt nói riêng.

39. TMT3029 – Thể loại văn học (3 tín chỉ)

Học phần tiên quyết:

Tóm tắt nội dung:

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về tác phẩm văn học như một phạm trù cơ bản của lý luận văn học. Trong một cái nhìn tổng quan, tác phẩm văn học là một chỉnh thể thẩm mỹ với cấu trúc nhiều tầng bậc, với sự thống nhất của các yếu tố nội dung và hình thức. Đề tài, chủ đề, tư tưởng tác phẩm được khảo sát ở các phương diện: khái niệm, vai trò, sự biểu hiện, những trường hợp đặc biệt. Từng thành tố của tác phẩm được nghiên cứu với những vấn đề cơ bản: các loại hình nhân vật; đặc điểm của tính cách, tính cách và hoàn cảnh; các biện pháp thể hiện nhân vật và tính cách; các mối quan hệ và vai trò của kết cấu, những hình thức kết cấu chủ yếu trong văn học; khái niệm, đặc điểm và các bước diễn biến của cốt truyện; ngôn ngữ trong các loại tác phẩm văn học, nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ trong tác phẩm v.v...

Những kiến thức lý luận đó là chìa khóa để người học có khả năng phân tích, giải mã tác phẩm đúng và hay.

Loại thể văn học có vai trò hết sức quan trọng trong hệ thống lý thuyết và thực tiễn văn học. Về mặt lý thuyết, nghiên cứu quá trình hình thành, phát triển và sự tương tác của các thể loại văn học cũng đồng nghĩa với việc nghiên cứu lịch sử văn học. Về phía thực tiễn, thể loại chính là diện mạo, sức sống của một giai đoạn văn học, hay rộng hơn là một nền văn học. Học phần này cũng cung cấp cho người học những kiến thức lý luận cơ bản về loại thể văn học: từ những vấn đề khái quát chung đến những đặc trưng cơ bản, đặc điểm thi pháp nổi bật riêng của từng thể loại. Trên cơ sở của các phương thức phản ánh: trữ tình, tự sự, kịch, nội dung học phần tập trung khảo sát những thể loại chính, tiêu biểu như: thơ, tiểu thuyết, ký và kịch. Trong những hướng tiếp cận cụ thể, giảng viên vận dụng đồng thời nhiều phương pháp và thao tác nghiên cứu để phân tích những đặc trưng thể loại (nội dung và hình thức), đặc điểm thi pháp, cấu trúc văn bản... Từ đó khẳng định những ưu thế, triển vọng của hệ thống lý thuyết về loại thể trong nghiên cứu lý luận văn học nói chung.

16.40. TMT3017 – Toán logic (3 tín chỉ)

Học phần tiên quyết:

Tóm tắt nội dung:

Học phần cung cấp kiến thức về các phép suy luận trong dạy học toán tiểu học; giải thích được các bước trong việc hình thành kiến thức mới bằng các suy luận trong dạy học toán tiểu học, hình thành khả năng phân tích, tổng hợp cho học sinh tiểu học trong việc phát triển tư duy giải toán, nắm vững cấu trúc của việc hình thành các khái niệm toán học trong chương trình toán tiểu học và bước đầu hình thành các phương pháp phát triển năng lực suy luận Toán học cho học sinh Tiểu học, góp phần hình thành năng lực dạy học Toán Tiểu học cho sinh viên.

16.41. TMT3031 - Hình học sơ cấp (3 tín chỉ)

Học phần tiên quyết:

Tóm tắt nội dung:

Học phần bao gồm những vấn đề cơ bản về các phép chứng minh trong hình học phẳng, các phép biến hình; và những vấn đề cơ bản về đường, mặt, khối trong không gian Euclide.

16.42. TMT3033 - Sinh vật quanh ta (3 tín chỉ)

Học phần tiên quyết:

Tóm tắt nội dung:

Học phần cung cấp cho sinh viên các khoa không thuộc ngành Sinh học những kiến thức cơ bản, khái quát nhất về đặc điểm cấu trúc và chức năng của thế giới sinh vật ở các mức độ từ phân tử, tế bào, cơ thể đến quần thể, quần xã và hệ sinh thái. Sau khi nghiên cứu môn Sinh học đại cương người học sẽ hiểu được một số nguyên lý cơ bản của các quá trình diễn ra trong cơ thể sống và mối quan hệ tương tác giữa sinh vật với sinh vật, giữa sinh vật với các điều kiện tự nhiên của môi trường. Trên cơ sở đó trang bị cho sinh viên các khoa không thuộc chuyên ngành Sinh học những kiến thức cần thiết nhất để tiếp thu và triển khai các vấn đề có liên quan đến Sinh học.

16.43. TMT3032 - Tiến trình lịch sử Việt Nam (3 tín chỉ)

Học phần tiên quyết:

Tóm tắt nội dung:

Quan niệm lịch sử Việt Nam là lịch sử của tất cả các cộng đồng tộc người, các nền văn hoá và quốc gia cổ đại đã và đang tồn tại trên phạm vi lãnh thổ Việt Nam hiện nay; Nghiên cứu vấn đề này, xuất hiện những quan điểm học thuật khác nhau, đặc biệt là 2 luồng ý kiến trái chiều giữa các nhà khoa học Việt Nam với các học giả nước ngoài. Gần đây, do thành tựu của sử học, khảo cổ học, văn hoá học, nhân học Việt Nam, chủ đề này ngày

càng được các nhà nghiên cứu trong nước trình bày một cách toàn diện; Đó là: các không gian lịch sử - văn hoá và quốc gia cổ đại (Văn Lang - Âu Lạc, Chămpa, Phù Nam); quá trình thống nhất lãnh thổ và văn hoá (mà bản chất là sự tương tác Đại Cồ Việt - Đại Việt với Chămpa và Chân Lạp) qua các giai đoạn: từ thế kỷ X đến đầu thế kỷ XV, từ đầu thế kỷ XV đến giữa thế kỷ XVI, từ giữa thế kỷ XVI đến giữa thế kỷ XVIII, từ giữa thế kỷ XVIII đến giữa thế kỷ XIX; và cuối cùng là một Việt Nam thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và bản sắc văn hoá đa dạng trong thế kỷ XX-XXI.

16.44. TMT2080 - Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học 1 (3 tín chỉ)

Học phần tiên quyết:

Tóm tắt nội dung:

Học phần có vai trò quan trọng trong việc hình thành tri thức và kỹ năng dạy học môn Tiếng Việt ở Tiểu học cho sinh viên. Các nội dung học tập nhằm trang bị cho sinh viên những tri thức và kỹ năng cơ bản chung về đối tượng, nhiệm vụ, chương trình, sách giáo khoa và các nguyên tắc, phương pháp dạy học môn Tiếng Việt ở Tiểu học; Phương pháp dạy học các phân môn: Học vần, Dạy học TV1.CGD, Tập viết, Luyện từ và câu để có thể dạy tốt môn Tiếng Việt sau khi tốt nghiệp và học tập ở trình độ cao hơn.

16.45. TMT3034 - Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học 2 (3 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học 1

Tóm tắt nội dung:

Học phần *Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 2* gồm các nội dung cơ bản sau: Một số kiến thức cơ sở của Tập làm văn và phương pháp dạy học Tập làm văn, Tập làm văn trong chương trình Tiếng Việt ở tiểu học và việc dạy học Tập làm văn theo chương trình và sách giáo khoa Tiếng Việt tiểu học hiện hành.

16.46. TMT2081 - Phương pháp dạy học Toán ở Tiểu học 1 (3 tín chỉ)

Học phần tiên quyết:

Tóm tắt nội dung:

Học phần giúp người học phân loại các dạng toán ở tiểu học; phân tích được đặc trưng và tính thực tiễn của các dạng toán trong chương trình tiểu học. Từ đó trang bị cho người học các kiến thức về các phương pháp giải toán ở Tiểu học theo các cách phân loại dạng bài, mạch kiến thức, khả năng ứng dụng trong thực tiễn.

Học phần giúp người học biết cách khai thác và thiết kế bài toán thông qua hoạt động giải toán, từ đó hình thành năng lực tư duy toán học và năng lực dạy học toán cần thiết.

Học phần giúp người học phát triển tư duy logic, phát triển năng lực thiết kế và tổ chức dạy học cho học sinh tiểu học theo các xu hướng dạy học hiện đại.

16.47. TMT3035 - Phương pháp dạy học Toán ở Tiểu học 2 (3 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: Phương pháp dạy học Toán ở Tiểu học 1

Tóm tắt nội dung:

Học phần bao gồm các nội dung chính sau đây:

- Cơ sở lí luận của việc giải toán ;
- Một số phương pháp giải toán ở tiểu học ;
- Các bài toán số học ở tiểu học ;
- Các bài toán hình học ở tiểu học.

16.48. TMT2083 - Phương pháp dạy học Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học 1 (3 tín chỉ)

Học phần tiên quyết:

Tóm tắt nội dung:

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nội dung chương trình, sách giáo khoa, các PPDH, hình thức tổ chức, các PTDH, đánh giá các Học phần Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Lịch sử và Địa lí. Từ đó làm cơ sở cho sinh viên tự nghiên cứu, tự học để nâng cao năng lực chuyên môn, kĩ năng nghề nghiệp, chuẩn bị cho việc dạy học tốt các bài thuộc lĩnh vực TN - XH theo hướng phát triển năng lực học sinh tiểu học.

16.49. TMT2084 - Phương pháp dạy học Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học 2 (3 tín chỉ)

Học phần tiên quyết:

Tóm tắt nội dung:

Học phần trang bị cho sinh viên biết những kiến thức cơ bản về chương trình, sách giáo khoa, lập kế hoạch (thiết kế bài dạy) và vận dụng tổng hợp các thành tố dạy học để tổ chức dạy học các bài Khoa học ở trường tiểu học. Từ đó làm cơ sở cho việc tự nghiên cứu, tự học để nâng cao năng lực chuyên môn nghề nghiệp, chuẩn bị cho việc tổ chức dạy học tốt các bài về Khoa học khi đi thực tập tốt nghiệp và khi ra trường theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh.

16.50. TMT2086 - Phương pháp dạy học Đạo đức ở tiểu học (3 tín chỉ)

Học phần tiên quyết:

Tóm tắt nội dung:

Học phần Đạo đức và Phương pháp dạy học đạo đức có thời lượng 45 tiết, bao gồm 2 phần:

Phần thứ nhất: Một số vấn đề cơ bản về đạo đức, đạo đức học

Nội dung phần thứ nhất gồm 2 chương, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đạo đức và đạo đức học có liên quan đến nội dung các bài đạo đức trong chương trình môn Đạo đức ở Tiểu học.

Phần thứ hai: Phương pháp dạy học môn đạo đức ở tiểu học

Nội dung phần thứ hai gồm 5 chương, cung cấp cho SV những kiến thức cơ bản về việc tổ chức quá trình dạy học môn Đạo đức ở Tiểu học sao cho có hiệu quả - từ việc xác định đối tượng, nhiệm vụ, vị trí, mục tiêu, đặc điểm, nội dung môn Đạo đức, đến việc vận dụng các phương pháp, sử dụng các phương tiện, kết hợp các hình thức tổ chức dạy học, nhằm kiểm tra và đánh giá kết quả học tập môn Đạo đức ở Tiểu học.

16.51. TMT2099- Phương pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm ở tiểu học (3 tín chỉ)

Học phần tiên quyết:

Tóm tắt nội dung:

Học phần trang bị cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về HĐTN ở trường tiểu học như: sự cần thiết tổ chức HĐTN, xác định nội dung, lựa chọn hình thức, xây dựng kế hoạch, tổ chức và đánh giá HĐTN ở tiểu học. Bên cạnh đó, SV nhận thức được việc học không dừng ở lý thuyết mà cần tổ chức các hình thức HĐTN để giúp HS hiểu sâu và rộng kiến thức lý thuyết.

16.52.TMT2083 - Phương pháp dạy học Tin học và công nghệ ở tiểu học (3 tín chỉ)

Học phần tiên quyết:

Tóm tắt nội dung:

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nội dung chương trình, sách giáo khoa, các PPDH, hình thức tổ chức, các PTDH, đánh giá học sinh trong dạy học Tin học và công nghệ ở tiểu học. Từ đó làm cơ sở cho sinh viên tự nghiên cứu, tự học để nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, chuẩn bị cho việc dạy học tốt các bài học về Tin học và công nghệ theo hướng phát triển năng lực học sinh tiểu học.

16.53. TMT2093 - Phát triển năng lực dạy học Tiếng Việt ở tiểu học (3 tín chỉ)

Học phần tiên quyết:

Tóm tắt nội dung:

Học phần gồm các nội dung cơ bản sau: Một số vấn đề chung về năng lực dạy học của giáo viên môn Tiếng Việt ở tiểu học, Năng lực dạy học đọc, Năng lực dạy học viết, Năng lực dạy học nói và nghe, Năng lực dạy học tích hợp trong môn tiếng Việt ở tiểu học, Năng lực kiểm tra đánh giá môn Tiếng Việt ở tiểu học.

16.54. TMT3039 - Bồi dưỡng học sinh có năng khiếu tiếng Việt ở tiểu học (3 tín chỉ)

Học phần tiên quyết:

+ Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 1

+ Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 2

Tóm tắt nội dung:

Học phần gồm có 07 chủ đề:

Chủ đề 1. Năng lực cảm thụ văn chương và đặc trưng của cảm thụ văn chương lứa tuổi tiểu học

Chủ đề 2. Mục đích, nội dung, phương pháp bồi dưỡng năng lực cảm thụ văn chương cho HS tiểu học

Chủ đề 3. Bồi dưỡng năng lực cảm thụ văn chương trong phân môn Tập đọc

Chủ đề 4. Bồi dưỡng năng lực cảm thụ văn chương trong phân môn Kể chuyện

Chủ đề 5. Bồi dưỡng năng lực cảm thụ văn chương trong Tập làm văn và các phân môn khác

Chủ đề 6. Sử dụng đồ dùng dạy học nhằm bồi dưỡng năng lực CTVC trong các phân môn tiếng Việt

Chủ đề 7. Nâng cao năng lực cảm thụ văn chương cho giáo viên tiểu học

16.55. TMT3040 - Phát triển năng lực dạy học toán ở tiểu học (3 tín chỉ)

Học phần tiên quyết:

Tóm tắt nội dung:

Học phần gồm các nội dung cơ bản sau: Một số vấn đề chung về năng lực dạy học của giáo viên trong dạy học môn Toán ở tiểu học, Năng lực dạy học các mạch kiến thức trong môn Toán tiểu học, Năng lực dạy học tích hợp và phân hóa trong môn Toán ở tiểu học, Năng lực kiểm tra đánh giá trong dạy học môn Toán ở tiểu học.

16.56. TMT3041 – Dạy toán ở tiểu học bằng tiếng Anh (2 tín chỉ)

Học phần tiên quyết:

Tóm tắt nội dung:

Trong 15 tuần này, SV sẽ học tiếng Anh học thuật và phương pháp giảng dạy Toán tiểu học bằng tiếng Anh. SV sẽ phát triển và thể hiện kỹ năng viết và đọc, kỹ năng nói để thảo luận và trình bày nhóm. SV sẽ chuẩn bị giáo án và thực hành dạy Toán và Khoa học bằng tiếng Anh với các phương pháp, kỹ thuật được cung cấp trong khóa học. Các công cụ hỗ trợ như tài liệu học tập, trang web và ứng dụng được cung cấp để giúp SV cải thiện khả năng phát âm của mình.

16.57. TMT3042 - *Day học KH ở trường TH theo tiếp cận STEM (3 tín chỉ)*

Học phần tiên quyết:

Tóm tắt nội dung:

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức, kỹ năng cơ bản nhất của việc dạy học KHTN theo định hướng STEM trong trường Tiểu học. Nội dung quan trọng đầu tiên người học phải biết đó là các đặc trưng cơ bản của bộ môn KHTN. Các đặc trưng này không chỉ quy định các nguyên tắc mà còn chi phối hệ thống các phương pháp dạy học KHTN.

Thông qua việc tìm hiểu về chương trình và nội dung sách giáo khoa KHTN, người học có thể xác định những nội dung quan trọng của chương trình, xác lập được mối liên quan về kiến thức giữa các khối lớp ở bậc Tiểu học, cũng như có thể phân định được nội dung kiến thức mới và kiến thức khó trong chương trình. Chương trình KHTN ở bậc Tiểu học có nhiều chuyên ngành với nội dung kiến thức rất phong phú. Vì vậy, học phần *Day học KHTN theo định hướng STEM* giới thiệu các nguyên tắc và nội dung kiến thức cơ bản khi giảng dạy KHTN theo định hướng STEM.

16.58. TMT2098 - *Day học KH ở tiểu học bằng tiếng Anh (3 tín chỉ)*

Học phần tiên quyết:

Tóm tắt nội dung:

Trong 15 tuần này, SV sẽ học tiếng Anh học thuật và phương pháp giảng dạy KHTN bằng tiếng Anh. SV sẽ phát triển và thể hiện kỹ năng viết và đọc, kỹ năng nói để thảo luận và trình bày nhóm. SV sẽ chuẩn bị giáo án và thực hành dạy Khoa học tự nhiên bằng tiếng Anh với các phương pháp, kỹ thuật được cung cấp trong khóa học.

16.59. TMT3050 - *Thực tập sư phạm và rèn nghề (7 tín chỉ)*

Học phần tiên quyết:

Tóm tắt nội dung:

Thực tập sư phạm và rèn nghề (09 tín chỉ) được tiến hành tại các trường tiểu học. Nội dung chủ yếu là tìm hiểu hoạt động nhà trường bao gồm toàn bộ nội dung vận hành một nhà trường trong đó đi sâu vào tổ chức quá trình dạy học và giáo dục cũng như thực hành giảng dạy cho các khối lớp ở trường tiểu học và làm công tác giáo viên chủ nhiệm. Các học phần này tạo điều kiện cho sinh viên có thể nhúng mình trong môi trường sư phạm tại các trường tiểu học, giúp cho sinh viên vận dụng những kiến thức đã học được để trải nghiệm thực tế tại trường tiểu học.

Phương thức tổ chức là thông qua và hoạt động thực tế, các dự án do sinh viên tự thiết kế và tổ chức thực hiện hướng đến chuẩn đầu ra; Ứng dụng công nghệ thông tin để hỗ trợ điều hành, quản lý và tổ chức các hoạt động giảng dạy, học tập.

16.60. TMT4050 - Khóa luận tốt nghiệp (5 tín chỉ)

Học phần tiên quyết:

Tóm tắt nội dung:

Khóa luận tốt nghiệp là một công trình khoa học cuối khoá của sinh viên để xét và công nhận tốt nghiệp. Trong khóa luận, sinh viên phải thể hiện kiến thức tổng hợp về một lĩnh vực cụ thể trong giáo dục tiểu học mà mình đã tiếp thu trong quá trình học tập để vận dụng vào nghiên cứu và giải quyết những vấn đề thực tiễn liên quan dạy học và nghiên cứu về Giáo dục tiểu học.

1. Tiến trình đào tạo

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Loại HP	Học kỳ
1.	PHI1006	Triết học Mác – Lênin	3	Bắt buộc	1
2.	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	Bắt buộc	2
3.	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Bắt buộc	3
4.	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Bắt buộc	5
5.	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Bắt buộc	4
6.	FLF1107	Ngoại ngữ B1	5	Bắt buộc	2
7.	PES1001	Giáo dục thể chất	4	Bắt buộc	4 HK
8.	CME1001	Giáo dục quốc phòng–an ninh	8	Bắt buộc	HK hè
9.	PSE2026	Tâm lí học đại cương	3	Bắt buộc	1
10.	PSE2027	Tâm lí học phát triển lứa tuổi tiểu học	3	Bắt buộc	2
11.	EDT2002	Ứng dụng ICT trong giáo dục	3	Bắt buộc	6
12.	PSE2009	Nhập môn khoa học giáo dục	3	Bắt buộc	1
13.	EDT2001	Nhập môn công nghệ giáo dục	2	Bắt buộc	6
14.	PSE2004	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	3	Bắt buộc	1
15.	EAM2052	Nhập môn Đo lường và đánh giá trong giáo dục	2	Bắt buộc	4

16.	EDM2013	Nhập môn khoa học quản lí trong giáo dục	2	Bắt buộc	6
17.	PSE2028	Tâm lí học giáo dục học sinh tiểu học	3	Bắt buộc	3
18.	TMT2096	Phát triển năng lực thông tin cho giáo viên	3	Bắt buộc	5
19.	TMT3008	Quy tắc đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực giáo dục	2	Bắt buộc	2
20.	TMT3009	Lí luận dạy học	3	Bắt buộc	3
21.	TMT2079	Sinh lí trẻ em lứa tuổi tiểu học	3	Bắt buộc	3
22.	EDM2001	Phát triển chương trình Giáo dục phổ thông	3	Bắt buộc	7
23.	PSE2006	Tư vấn tâm lí học đường	3	Tự chọn	7
24.	TMT3018	Giáo dục hòa nhập ở tiểu học	3	Tự chọn	7
25.	PSE2005	Tổ chức các hoạt động giáo dục của nhà trường	3	Tự chọn	7
26.	TMT2091	Dạy học tích hợp ở tiểu học	3	Tự chọn	7
27.	EAM3002	Nhập môn thống kê ứng dụng trong giáo dục	3	Tự chọn	7
28.	TMT2082	Phương pháp đánh giá học sinh Tiểu học	3	Tự chọn	7
29.	TMT2087	Các dự án giáo dục STEAM ở Tiểu học	3	Tự chọn	7
30.	TMT3020	Cơ sở tiếng Việt 1	3	Bắt buộc	1
31.	TMT3021	Cơ sở tiếng Việt 2	3	Bắt buộc	2
32.	TMT3022	Cơ sở tiếng Việt 3	3	Bắt buộc	3
33.	TMT3023	Cơ sở Toán học 1	3	Bắt buộc	1
34.	TMT3024	Cơ sở Toán học 2	3	Bắt buộc	2
35.	TMT3025	Cơ sở khoa học tự nhiên	3	Bắt buộc	2
36.	TMT3026	Cơ sở khoa học xã hội	3	Bắt buộc	3
37.	TMT3027	Nghệ thuật đại cương	3	Bắt buộc	4
38.	TMT3028	Ngữ dụng học	3	Tự chọn	5
39.	TMT3029	Thể loại văn học	3	Tự chọn	6
40.	TMT3017	Toán logic	3	Tự chọn	5
41.	TMT3031	Hình học sơ cấp	3	Tự chọn	6
42.	TMT3033	Sinh vật quanh ta	3	Tự chọn	5
43.	TMT3032	Tiến trình lịch sử Việt Nam	3	Tự chọn	6

44.	TMT2080	Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 1	3	Bắt buộc	4
45.	TMT3034	Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 2	3	Bắt buộc	5
46.	TMT2081	Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học 1	3	Bắt buộc	4
47.	TMT3035	Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học 2	3	Bắt buộc	5
48.	TMT2083	Phương pháp dạy học Khoa học Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học 1	3	Bắt buộc	4
49.	TMT2084	Phương pháp dạy học Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học 2	3	Bắt buộc	5
50.	TMT2086	Phương pháp dạy học Đạo đức ở tiểu học	3	Bắt buộc	6
51.	TMT2099	Phương pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm ở tiểu học	3	Bắt buộc	7
52.	TMT2089	Phương pháp dạy học Tin học và Công nghệ ở tiểu học	3	Bắt buộc	6
53.	TMT2093	Phát triển năng lực dạy học tiếng Việt ở tiểu học	3	Tự chọn	7
54.	TMT3039	Bồi dưỡng học sinh có năng khiếu tiếng Việt ở tiểu học	3	Tự chọn	8
55.	TMT3040	Phát triển năng lực dạy học Toán ở tiểu học	3	Tự chọn	7
56.	TMT3041	Dạy Toán ở tiểu học bằng tiếng Anh	3	Tự chọn	8
57.	TMT3042	Dạy học Khoa học ở tiểu học theo tiếp cận giáo dục STEM	3	Tự chọn	7
58.	TMT2098	Dạy học Khoa học ở tiểu học bằng tiếng Anh	3	Tự chọn	8
59.	TMT3050	Thực tập sư phạm và rèn nghề	9	TT&TN	5 HK
60.	TMT4050	Khóa luận Tốt nghiệp	5	Bắt buộc	8

18. Thời điểm xây dựng mô tả chương trình hoặc điều chỉnh chương trình:

Ban hành kèm theo Quyết định số .../QĐ-ĐHGD ngày ... tháng ... năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Giáo dục.

19. Các quy định về kiểm tra đánh giá

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau mỗi học kì dựa trên các tiêu chí sau:

- Khối lượng kiến thức học tập là tổng số tín chỉ của các học phần (không tính học phần tự chọn tự do) mà sinh viên đã đăng kí học trong kì học.

Khối lượng kiến thức tích lũy là tổng tín chỉ của những môn học đã được đánh giá loại đạt tính từ đầu khóa học.

- Điểm trung bình học kì là điểm trung bình theo trọng số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng kí học trong kì đó (bao gồm các môn học đánh giá loại đạt và không đạt).

- Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình theo trọng số tín chỉ của các môn học đã được đánh giá loại đạt mà sinh viên đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm xét.

* *Đánh giá kết quả học phần*: Việc kiểm tra và chấm điểm bộ phận, tổ chức thi hết học phần thực hiện theo quy định của Trường ĐHGĐ.

* *Cách tính điểm học phần*

- Điểm đánh giá học phần (gọi là điểm học phần) bao gồm: Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần: là trung bình của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ trên lớp; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm chuyên cần, điểm kiểm tra giữa kì, điểm thi kết thúc học phần.

- Điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc và có trọng số không dưới 60% điểm của học phần.

+ Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm thi theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), có lẽ đến một chữ số thập phân.

+ Điểm học phần là điểm trung bình (có trọng số) của điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần (trọng số của điểm bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được quy định trong đề cương học phần). Điểm học phần và được làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển sang điểm chữ tương ứng là: A⁺, A, B⁺, B, C⁺, C, D⁺, D (loại đạt) và F (không đạt).

Cụ thể:

Điểm hệ 10		Điểm chữ
9,0 – 10	Tương ứng với	A ⁺
8,5 – 8,9	Tương ứng với	A
8,0 – 8,4	Tương ứng với	B ⁺
7,0 – 7,9	Tương ứng với	B
6,5 – 6,9	Tương ứng với	C ⁺

5,5 – 6,4	Tương ứng với	C
5,0 – 5,4	Tương ứng với	D ⁺
4,0 – 4,9	Tương ứng với	D

Loại không đạt: Dưới 4,0 tương ứng với F.

* *Cách tính điểm trung bình chung*

* Để tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy, mức điểm chữ của mỗi môn học phải được quy đổi qua điểm số như sau:

Điểm chữ		Điểm hệ 4
A ⁺	Tương ứng với	4,0
A	Tương ứng với	3,7
B ⁺	Tương ứng với	3,5
B	Tương ứng với	3,0
C ⁺	Tương ứng với	2,5
C	Tương ứng với	2,0
D ⁺	Tương ứng với	1,5
D	Tương ứng với	1,0
F	Tương ứng với	0

* Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

A: là điểm trung bình chung học kỳ hoặc điểm trung bình chung tích lũy

i: là số thứ tự học phần

a_i: là điểm của học phần thứ i

n_i: là số tín chỉ của học phần thứ i

n: là tổng số học phần trong học kỳ hoặc tổng số học phần đã tích lũy.

Kết quả đánh giá học phần Giáo dục quốc phòng - an ninh, Giáo dục thể chất, Kỹ năng mềm không tính vào điểm trung bình chung học kì và điểm trung bình chung tích lũy.

Điểm trung bình chung học kì được dùng để xét buộc thôi học, nghỉ học tạm thời, đăng kí học bằng kép, học bổng, khen thưởng sau mỗi học kì.

Điểm trung bình chung tích lũy được dùng để xét buộc thôi học, xếp loại học lực, xếp hạng tốt nghiệp.

* *Các chỉ báo chất lượng*: Điều kiện tốt nghiệp: sinh viên hoàn thành chương trình đào tạo, được xét công nhận tốt nghiệp nếu có đủ các điều kiện sau:

- Trong thời gian học tập tối đa của khóa học;
- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, học viên không đang trong thời gian truy cứu trách nhiệm hình sự;
- Tích lũy đủ số tín chỉ qui định trong chương trình đào tạo;
- Điểm trung bình chung tích lũy của khóa học đạt từ 2,00 trở lên
- Đạt trình độ tiếng Anh B1 hoặc tương đương IELTS 4.0; có chứng chỉ về kỹ năng giao tiếp bằng công nghệ thông tin và tối thiểu 5 kỹ năng mềm khác.
- Được đánh giá đạt các môn học điều kiện/bổ trợ.

CHỦ NHIỆM KHOA



PGS. TS. Nguyễn Chí Thành